TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM KHÊ
TỈNH PHÚ THỌ

Bản án số: 45/2024/HNGĐ-ST
Ngày 31/7/2024.
V/v: "Tranh chấp về
Hôn nhân và gia đình".

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh Phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ-TỈNH PHÚ THỌ

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đinh Thị Thu Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Hồng Ánh và ông Nguyễn Hải Sơn.

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Hà Thị Phương Chinh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê tham gia phiên toà***: Bà Nguyễn Khánh Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 115/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2024 về việc "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2024/QĐXXST – HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 48/2024/QĐST – HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Vòng Thị Ngọc Á, sinh ngày 11/5/1998.

Địa chỉ: Khu G, xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Khu G, xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

(Chị Á có đơn xin giải quyết vắng mặt, anh L vắng mặt lần 2 không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1,Tại đơn khởi kiện ngày 06/3/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Vòng Thị Ngọc Á trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 25/6/2016 tại UBND xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

Trước khi kết hôn được tự nguyện tìm hiểu, sau khi kết hôn chị về chung sống cùng anh L tại khu G, xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc đến tháng 2 năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã nhau nên chung sống không hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng, hai bên gia đình đã khuyên giải nhiều lần nhưng không được. Chị đã về nhà bố mẹ đẻ chị ở, vợ chồng sống ly thân không ai quan tâm đến ai. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L.

Về con chung: Chị và anh L có 03 con chung là Nguyễn Ánh D, sinh ngày 20/02/2016; Nguyễn Thị Hà V, sinh ngày 18/10/2017 và Nguyễn Hồng D1, sinh ngày 08/7/2020. Khi ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu D và nhất trí giao cháu V, cháu D1 cho anh L được quyền trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu D1 cùng anh L là 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng)/01 tháng, kể từ khi ly hôn đến khi cháu Duy thành n (đủ 18 tuổi).

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị Á không yêu cầu giải quyết.

2, P bị đơn anh Nguyễn Văn L: Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê đã gửi giấy báo làm việc nhiều lần nhưng anh L đều vắng mặt.

3, Tại biên bản lấy lời khai ngày 29/6/2024 ông Nguyễn Văn Đ (bố đẻ anh L) trình bày: Anh L và chị Á được tự nguyện tìm hiểu đăng ký kết hôn ngày 26/5/2016 tại UBND xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2023 thì chị Á bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị Á ở tại xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ và không chung sống cùng anh L từ đó đến nay. Ông mong muốn anh chị trở về đoàn tụ nên đã động viên, khuyên giải nhiều lần nhưng không được. Nếu chị Á kiên quyết xin ly hôn anh L thì ông đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật. Chị Á và anh L có 03 con chung là Nguyễn Ánh D, sinh ngày 20/02/2016; Nguyễn Thị Hà V, sinh ngày 18/10/2017 và Nguyễn Hồng D1, sinh ngày 08/7/2020. Khi anh chị ly hôn ông đề nghị Tòa án giải quyết về con chung theo quy định của pháp luật, ông sẽ có trách nhiệm hỗ trợ anh L trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Về các văn bản tố tụng Tòa án giao cho anh L, ông đều đã nhận thay và giao lại cho anh L. anh L biết rõ việc chị Á xin ly hôn anh, nhưng do bận đi làm nên anh L không đến Tòa án làm việc được.

4, Nguyện vọng của cháu Nguyễn Ánh D: Cháu D có nguyện vọng xin ở với chị Á.

5, Qua xác minh tại ủy ban nhân dân xã Phượng Vĩ ngày 28/6/2024 được đại diện chính quyền địa phương cung cấp: Chị Vòng Thị Ngọc Á và anh Nguyễn Văn L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 25/6/2016 tại UBND xã P,

huyện C, tỉnh Phú Thọ. Trước khi kết hôn được tự nguyện tìm hiểu, sau khi kết hôn anh chị sống tại khu G, xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, không bảo ban được nhau, nên xảy ra mâu thuẫn cãi vã nhau và chung sống không hạnh phúc. Đến năm 2023, mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng, chị Á đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ ở. Vợ chồng anh chị ly thân từ đó đến nay, không ai quan tâm đến ai. Khi anh chị mâu thuẫn gia đình hai bên đã khuyên giải nhiều lần nhưng không được. Chị Á không quay về chung sống với anh L nữa. Chị Á và anh L có 03 con chung là Nguyễn Ánh D, sinh ngày 20/02/2016; Nguyễn Thị Hà V, sinh ngày 18/10/2017 và Nguyễn Hồng D1, sinh ngày 08/7/2020. Hiện nay các con chung đang ở với anh L, được anh L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Á xin ly hôn anh Luận đề n1 Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đều thực hiện đúng theo quy định pháp luật không có vi phạm gì, bị đơn vi phạm về nghĩa vụ quy đinh tại khoản 15, 16 Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự và phát biểu ý kiến về quan điểm giải quyết vụ án. Đề nghị HĐXX Căn cứ khoản 1 điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58; khoản 1, 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147; điểm b khoản 2, Điều 227; khoản 1, 3 điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Vòng Thị Ngọc Á được ly hôn anh Nguyễn Văn L.

Về con chung: Giao con chung chưa thành niên là Nguyễn Ánh D, sinh ngày 20/02/2016 cho chị Vòng Thị Ngọc Á trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi cháu Dương thành n2 (đủ 18 tuổi). Giao con chung chưa thành niên là Nguyễn Thị Hà V, sinh ngày 18/10/2017 và Nguyễn Hồng D1, sinh ngày 08/7/2020 cho anh Nguyễn Văn L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi cháu V, cháu Duy thành n (đủ 18 tuổi). Chị Á có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu D1 cùng anh L số tiền là 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng)/01 tháng. Thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 8 năm 2024 đến khi cháu Duy thành n (đủ 18 tuổi). Phương thức cấp dưỡng theo định kỳ hàng tháng. Chị Á, anh L được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cấm cản trở.

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị Á không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Vòng Thị Ngọc Á phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả thẩm tra tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng dân sự:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1, điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn anh L có hộ khẩu thường trú tại khu G, xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Căn cứ điểm a, khoản 1, điều 35; điểm a, khoản 1, điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

[1.3]. Về sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Chị Á có đơn xin được giải quyết xét xử vắng mặt. Phía anh L đã được Toà án gửi Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh L vắng mặt lần thứ 02 tại phiên tòa mà không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2, Điều 227; khoản 1, 3 điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được xem xét tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa chị Á và anh L là hoàn toàn hợp pháp được UBND xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ cho đăng ký kết hôn ngày 26/5/2016 nhưng thực sự tình cảm vợ chồng giữa anh chị đã có vết rạn nứt, chị Á cho rằng sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, không có tiếng nói chung nên chung sống không hạnh phúc, vợ chồng ly thân từ đó đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L. Phía anh L được Tòa án đã báo gọi nhiều lần, anh L có biết việc Tòa án đang giải quyết việc ly hôn giữa chị Á và anh nhưng anh không đến Tòa án làm việc để thể hiện quan điểm của mình. Bố đẻ anh L là ông Nguyễn Văn Đ xác nhận sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2023 thì chị Á tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại xã T, huyện C và anh chị ly thân từ đó đến nay. Hai bên gia đình đã khuyên giải nhiều lần nhưng không được. Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê đã tiến hành xác minh về quan hệ hôn nhân của chị Á và anh L được đại diện chính quyền địa phương cung cấp sau khi kết hôn anh chị chung

sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị không hợp nhau nên không bảo ban được nhau trong cuộc sống vợ chồng, hai bên gia đình đã khuyên giải nhiều lần nhưng không được. Vợ chồng anh chị ly thân từ năm 2023 đến nay không ai quan tâm đến ai. Xét thấy cuộc hôn nhân giữa chị Á và anh L đã mâu thuẫn rất trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu kéo dài chỉ gây đau khổ cho cả hai bên, làm cho anh chị sống không đem lại hạnh phúc, không còn tình yêu thương. Vì vậy cần xử cho chị Á được ly hôn anh L là phù hợp với điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị Á anh L có 03 con chung là Nguyễn Ánh D, sinh ngày 20/02/2016; Nguyễn Thị Hà V, sinh ngày 18/10/2017 và Nguyễn Hồng D1, sinh ngày 08/7/2020. Khi ly hôn chị Á đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu D và nhất trí giao cháu V, cháu D1 cho anh L được quyền trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Xét thấy nguyện vọng của cháu Dương x được ở với chị Á vì vậy khi ly hôn cần giao cháu D cho chị Á trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp. Đối với cháu V, cháu D1 hiện nay đang ở cùng anh L, được anh L chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, ngoài ra anh L còn được sự giúp đỡ của gia đình trong việc chăm sóc con chung. Vì vậy, để ổn định chỗ ăn ở, thuận lợi cho việc học tập và sự phát triển của các con chung cần giao cháu V, cháu D1 cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Khi ly hôn chị Á tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu D1 cùng anh L là 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng)/01 tháng, kể từ khi ly hôn đến khi cháu Duy thành n (đủ 18 tuổi), phương thức cấp dưỡng theo định kỳ hàng tháng là phù hợp cần chấp nhận.

[2.3]. Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị Á không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị Á phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58; khoản 1, 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, điều 35; điểm a, khoản 1, điều 39; khoản 4 điều 147; điểm b khoản 2, Điều 227; khoản 1, 3 điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Vòng Thị Ngọc Á được ly hôn anh Nguyễn Văn L.

[2]. Về con chung: Giao con chung chưa thành niên là Nguyễn Ánh D, sinh ngày 20/02/2016 cho chị Vòng Thị Ngọc Á trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi cháu Dương thành n2 (đủ 18 tuổi). Giao con chung chưa thành niên là Nguyễn Thị Hà V, sinh ngày 18/10/2017 và Nguyễn Hồng D1, sinh ngày 08/7/2020 cho anh Nguyễn Văn L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi cháu V, cháu Duy thành n (đủ 18 tuổi).

Chị Á có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu D1 cùng anh L số tiền là 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng)/01 tháng. Thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 8 năm 2024 đến khi cháu Duy thành n (đủ 18 tuổi). Phương thức cấp dưỡng theo định kỳ hàng tháng.

Chị Á, anh L được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cấm cản trở.

[3]. Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị Á không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. Về án phí: Chị Vòng Thị Ngọc Á phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Xác nhận chị Á đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0004830 ngày 02/4/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm khê, tỉnh Phú Thọ. Chị Á còn phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự (vắng mặt) có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc được niêm yết bản án để đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo trình tự phúc thẩm./.

***Nơi nhận*:**
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã P;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

- Các đương sự;
- Lưu HS+ VP;

Đinh Thị Thu H

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM KHÊ
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút, ngày tháng 7 năm 2024.
Tại: Phòng nghị án Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ
Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thu H

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thúy H1 và ông Nguyễn Việt T.

Tiến hành nghị án vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 115/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2024 về việc "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình" giữa:

Nguyên đơn: Chị Vòng Thị Ngọc Á, sinh năm 1998.

Địa chỉ: Khu G, xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Khu G, xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

(Chị Á có đơn xin giải quyết vắng mặt, anh L vắng mặt lần 2 không có lý do).

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật:

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

1. Điều luật áp dụng:

Căn cứ khoản 1 điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, điều 35; điểm a, khoản 1, điều 39; khoản 4 điều 147; điểm b khoản 2, Điều 227; khoản 1, 3 điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Kết quả biểu quyết: 03/03 ý kiến nhất trí.

2. Về nội dung:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Vòng Thị Ngọc Á được ly hôn anh Nguyễn Văn L.

2.2 Về con chung: Giao con chung chưa thành niên là là Nguyễn Ánh D, sinh ngày 20/02/2016 cho chị Vòng Thị Ngọc Á trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi cháu Dương thành n2 (đủ 18 tuổi). Giao con chung chưa thành niên là Nguyễn Thị Hà V, sinh ngày 18/10/2017 và Nguyễn Hồng D1, sinh ngày 08/7/2020 cho anh Nguyễn Văn L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi cháu V, cháu Duy thành n (đủ 18 tuổi). Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Chị Á, anh L được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cấm cản trở.

2.3 Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị Á xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Kết quả biểu quyết: 03/03 ý kiến nhất trí.

2.4 Về án phí: Chị Vòng Thị Ngọc Á phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận Chị Á đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0004830 ngày 02/4/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

Kết quả biểu quyết: 03/03 ý kiến nhất trí.

Nghị án kết thúc vào hồi..... giờ..... phút, ngày ..... tháng ..... năm 2024.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
	Đinh Thị Thu H
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN	**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**
	Đinh Thị Thu H

***Nơi nhận*:**
- VKSND huyện;
- Các đương sự
- UBND xã P;
- Thi hành án dân sự;
- Lưu HS+ VP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Đinh Thị Thu H

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đinh Thị Thu H

***Nơi nhận*:**
- VKSND huyện;
- Các đương sự
- UBND xã Phượng Vĩ;
- Thi hành án dân sự;
- Lưu HS+ VP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Đinh Thị Thu Huyền